

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2024
V/v: “Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tất Hường
- Ông Lê Quý Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Thế Anh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa* tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, về: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cao Thị N, sinh năm: 1996
Địa chỉ: Thôn TG 1, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

Bị đơn: Mầu Hồng L, sinh năm: 1993
Địa chỉ: Thôn TG 1, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở: Thôn KR, xã SL, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Cao Thị N trình bày: Chị N và anh Mầu Hồng L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014. Chị N và anh L có đăng ký kết hôn, được UBND xã TS, huyện KS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2014, quyển số 01/2014, ngày 04/6/2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại thôn TG1, xã TS, huyện KS nhưng đến đầu năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách của nhau, anh L không có trách nhiệm với gia đình, với vợ con, không cùng chị N nuôi dưỡng con cái, một mình chị N phải gánh vác. Từ khoảng giữa năm 2021, vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thôn KR, xã SL, huyện KS sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, chị N đã liên hệ với anh L nhưng không liên lạc được. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Mấu Hồng L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Mấu Quốc T, sinh ngày: 18/01/2014; Mấu Quốc T1, sinh ngày: 05/02/2016.

Chị Cao Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T; Anh Mấu Hồng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T1 và không yêu cầu anh Mấu Hồng L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị N đối với anh Mấu Hồng L; Về con chung: Chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T, anh Mấu Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T1; Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Vợ chồng không nợ.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị Cao Thị N theo quy định.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Cao Thị N cung cấp:

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)
 - Căn cước công dân của Cao Thị N (bản sao)
 - Xác nhận thông tin về cư trú (bản photo)
 - Giấy khai sinh của Mấu Quốc T, Mấu Quốc T1 (bản sao)
- Tài liệu chứng cứ do bị đơn Mấu Hồng L cung cấp: không*

** Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập:*

- Biên bản xác minh ngày 04/7/2024, ngày 11/7/2024 và ngày 07/8/2024 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 10/9/2024, nguyên đơn Cao Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc gia đình và bận công việc cá nhân.

Anh Mấu Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[1.2] Chị Cao Thị N yêu cầu được ly hôn anh Mấu Hồng L. Yêu cầu của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Cao Thị N và anh Mấu Hồng L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã TS, huyện KS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2014, quyển số 01/2014, ngày 04/6/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị N yêu cầu ly hôn anh L vì vợ chồng không hợp tính cách của nhau, anh Luận không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không cùng chị N nuôi dưỡng con cái, một mình chị N phải gánh vác.

[2.2.1] Đối với anh Mấu Hồng L không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không tham các buổi hòa giải và xét xử. Từ giữa năm 2021, anh L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thôn KR, xã SL, huyện KS sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Cao Thị N yêu cầu ly hôn anh Mấu Hồng L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Mấu Hồng L có 02 con chung là các cháu: Mấu Quốc T, sinh ngày: 18/01/2014; Mấu Quốc T, sinh ngày: 05/02/2016.

Chị Cao Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T; Anh Mấu Hồng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mấu Quốc T1.

Việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu T1 hiện nay đang sống chung với anh L và có nguyện vọng được sống với anh L; cháu T đang chung sống cùng với chị N và có nguyện vọng được sống với

chị N. Do đó, yêu cầu của chị N là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị N không yêu cầu anh Mầu Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị N là tự nguyện nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại xã Thành Sơn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” (Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị N

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị N được ly hôn anh Mầu Hồng L.

2. *Về con chung:* Chị Cao Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu Quốc T, sinh ngày: 05/02/2016; Anh Mầu Hồng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu Quốc T1, sinh ngày: 18/01/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Thị N về việc không yêu cầu anh Mầu Hồng L cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung:* Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. *Về án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” đối với chị Cao Thị N.

6. Chị Cao Thị N, anh Mầu Hồng L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện KS;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện KS;
- Các đương sự;
- UBND xã TS, huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thế Vỹ